

SỞ GD-ĐT TP ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYẾN

KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGỮ VĂN LỚP 10
GV: Lê Thị Hiệp

BÀI 3 – NGHỆ THUẬT THUYẾT PHỤC TRONG VĂN NGHỊ LUẬN

Thời gian thực hiện: 11 tiết

TIẾT 25,26. VĂN BẢN 1

HIỀN TÀI LÀ NGUYÊN KHÍ CỦA QUỐC GIA- Thân Nhân Trung

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- ❖ **Học sinh nhận biết** được đặc điểm và các yếu tố cấu tạo cơ bản của văn bản nghị luận thông qua một tác phẩm nghị luận điển hình thời trung đại Việt Nam.
- ❖ **Học sinh phân tích** được mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản Hiền tài là nguyên khí của quốc gia, từ đó nhận ra và đánh giá được mục đích, quan điểm của tác giả, ý nghĩa giá trị của văn bản.

+ **Chỉ ra** được quan niệm và thái độ của tác giả đối với hiền tài

+ **Chỉ ra** tác dụng của việc dựng bia

+ **Đánh giá** được nội dung và nghệ thuật của văn bản

2. Về năng lực:

- ❖ **Học sinh vận dụng năng lực** viết để thực hành viết kết nối đọc sau bài học

❖ **Học sinh vận dụng** tri thức về văn bản nghị luận để tìm ra hệ thống luận điểm, luận cứ trong văn bản.

***Tích hợp phát triển năng lực số:**

- 1.1.NC1b. Học sinh nhận ra rằng cần sử dụng công nghệ số để tìm hiểu sâu hơn về bối cảnh lịch sử, tác giả, hoặc các chính sách trọng dụng nhân tài hiện đại.
 - 1.2.NC1b. Học sinh biết cách chọn lọc công cụ số phù hợp để phục vụ hoạt động
 - 3.2.NC1a. Học sinh sử dụng các nền tảng số để thảo luận, bày tỏ quan điểm riêng về các vấn đề liên quan đến hiền tài là chính sách.
- 3. Về phẩm chất:** Học sinh có thái độ ứng xử đúng đắn với những bậc hiền tài, biết bày tỏ quan điểm riêng về các chính sách trọng dụng nhân tài mà mình được biết.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. **Học liệu:** Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập
2. **Thiết bị:** Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THỂ a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học b. Nội dung thực hiện: ❖ GV cho HS chơi trò chơi “NHÂN TÀI ĐẤT VIỆT” cùng tìm hiểu về các bậc nhân tài của nước ta. ❖ HS theo dõi và nêu cảm nhận	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên chiếu hình ảnh và các gợi ý liên quan tới nhân vật đó. Trong vòng 20 giây học sinh giơ tay giành quyền trả lời. Sau cùng giáo viên đưa ra câu hỏi: Em nghĩ gì khi nhìn thấy (trực tiếp hoặc qua phim ảnh) những hàng bia tiến sĩ ở Văn Miếu – Quốc Tử Giám (Hà Nội)	<u>Đáp án:</u> - Hình 1: LÊ QUÝ ĐÔN - Hình 2: LƯƠNG THẾ VINH - Hình 3: TÔN THẤT TÙNG - Hình 4: TRẦN ĐẠI NGHĨA

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh theo dõi và trả lời câu hỏi Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt ý và dẫn dắt vào bài học.	
2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI a. Mục tiêu hoạt động: ❖ Học sinh nhận biết được đặc điểm và các yếu tố cấu tạo cơ bản của văn bản nghị luận thông qua một tác phẩm nghị luận điển hình thời trung đại Việt Nam. ❖ Học sinh phân tích được mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản Hiền tài là nguyên khí của quốc gia, từ đó nhận ra và đánh giá được mục đích, quan điểm của tác giả, ý nghĩa giá trị của văn bản. + Chỉ ra được quan niệm và thái độ của tác giả đối với hiền tài + Chỉ ra tác dụng của việc dựng bia + Đánh giá được nội dung và nghệ thuật của văn bản ❖ Học sinh vận dụng năng lực viết để thực hành viết kết nối đọc sau bài học b. Nội dung thực hiện: ❖ Học sinh tiến hành chia nhóm tìm hiểu theo các luận điểm của bài. ❖ Học sinh thuyết trình – GV chốt ý và đánh giá sản phẩm	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Các nhóm tìm hiểu tri thức Ngữ văn Hs thảo luận theo cặp đôi *Tích hợp phát triển năng lực số: 1.1.NC1b: Học sinh (HS) sử dụng công cụ tìm kiếm (Google, Bing...) để: * Tìm hiểu bối cảnh. * Tra cứu thêm: * Tìm kiếm chính sách Đại diện nhóm trả lời	A Tri thức Ngữ văn I. VĂN BẢN NGHỊ LUẬN 1. KHÁI NIỆM 2. CÁC YẾU TỐ CHÍNH CỦA VĂN BẢN NGHỊ LUẬN a. Luận đề b. Luận điểm c. Lí lẽ, bằng chứng II. BÀI NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

Tìm hiểu văn bản Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên chia lớp thành 4 nhóm theo hình thức KHĂN TRẢI BÀN hoàn thành phiếu tìm hiểu bài. Nhóm 1: Ghi lại 3 thông tin mà em biết về tác giả Thân Nhân Trung. Nhóm 2: Nêu khái niệm về thể loại văn bia. Vì sao văn bia thường ngắn gọn và có ngôn ngữ cực kỳ hàm súc? Nhóm 3: Hãy chỉ ra trong bài những câu văn cho thấy quan niệm và thái độ của tác giả đối với nhân tài. Nhóm 4: Theo em, tác dụng của việc xây dựng bia là gì? *Tích hợp phát triển năng lực số: 1.2.NC1b: HS lựa chọn các công cụ/phương tiện số như: * Công cụ trình bày (PowerPoint, Google Slides) * Công cụ cộng tác (Google Docs, Padlet) 3.2.NC1a: HS sử dụng các môi trường giao tiếp số như: * Diễn đàn/Nhóm học tập trực tuyến (Zalo, Google Classroom, Teams.* Công cụ khảo sát số (Google Forms) Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thảo luận và hoàn thành phiếu	III. MẠCH LẠC VÀ LIÊN KẾT TRONG VĂN BẢN, ĐOẠN VĂN B . Tìm hiểu văn bản 1 I. TÌM HIỂU CHUNG 1. TÁC GIẢ: sgk 2. TÁC PHẨM <i>a. Hoàn cảnh ra đời:</i> - Năm 1484 Thân Nhân Trung dâng mệnh vua Lê Thánh Tông soạn Bài kí để danh tiến sĩ khoa Nhâm Tuất, niên hiệu Đại Bảo thứ ba (Đại Bảo tam niên Nhâm Tuất khoa tiến sĩ đề danh kí) để khắc lên bia trong Văn Miếu, khởi đầu cho việc xây dựng bia ghi danh tiến sĩ sẽ thành truyền thống về sau. - Hiện tài là nguyên khí của quốc gia là đoạn trích nằm trong bài văn bia nói trên. Trước đoạn này tác giả nêu chủ trương bồi dưỡng trọng dụng hiện tài của các triều vua Lê. Sau đoạn này là danh sách 33 vị đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1442). <i>b. Thể loại: Văn bia</i> Văn bia là loại văn khắc trên bia đá gồm nhiều thể khác nhau, rất phổ biến thời trung đại thường ghi chép những sự kiện quan trọng hoặc tên tuổi sự nghiệp của những người có công đức lớn để lưu truyền hậu thế. Nhiều văn bia là những áng văn nghị luận độc đáo, giàu hình, chứa đựng giá trị tư tưởng, nhân văn sâu sắc. <i>c. Bố cục</i> Đoạn 1: Từ đầu → "...làm đến mức cao nhất": Vai trò quan trọng của hiện tài đối với quốc gia Đoạn 2: Còn lại: Ý nghĩa của việc dựng bia, khắc tên người hiện tài. II. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN 1. Vai trò quan trọng của hiện tài đối với mỗi quốc gia
--	--

Thời gian: 10 phút – Hoặc các nhóm đã chuẩn bị trước bài qua phân tự học. Chia sẻ: 3 phút Phản biện và trao đổi: 2 phút Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản về nội dung – nghệ thuật của văn bản <i>*Tích hợp:</i> <i>-Phòng chống tham nhũng lãng phí tiêu cực và giáo dục đạo đức liêm chính:</i> <i>+GD phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và Đạo đức liêm chính, trách nhiệm của thế hệ trẻ với bản thân và xã hội</i> <i>+Có ý thức, trách nhiệm, hành động phù hợp để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN.</i> <i>+Giáo dục tinh thần, trách nhiệm với gia đình, tập thể, cộng đồng.</i> <i>- Tích hợp nội dung giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: GD truyền thống lịch sử dân tộc, lòng yêu nước, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc</i>	– “Hiền tài”: là những người vừa học cao, tài rộng vừa có đạo đức. – “Nguyên khí”: là khí chất ban đầu, đóng vai trò nền tảng làm nên sự sống còn, phát triển của mỗi sự vật. → Từ đó, có thể thấy rằng, người tài cao, học rộng, có đức độ chính là khí chất ban đầu làm nên sự sống còn, sự phát triển của đất nước, xã hội. → Người hiền tài luôn có vai trò quan trọng đối với mỗi quốc gia, họ có ảnh hưởng to lớn và quan hệ sâu sắc đến sự thịnh – suy của mỗi quốc gia, đất nước, dân tộc. 2. Những việc làm, chính sách để khuyến khích người tài của bậc minh vương – Những việc mà các bậc minh vương, các vị vua đã thực hiện: đề cao danh tiếng, xướng danh, ghi tên ở bảng vàng, ban chức tước hay ban yến tiệc,... Những việc làm đó là chưa đủ – Biện pháp lâu dài cần thực hiện đó chính là khắc bia tiến sĩ. 3. Ý nghĩa của việc cho khắc bia ghi tên tiến sĩ – Khuyến khích nhân tài trong nhân dân, đất nước,. – Giúp ngăn ngừa những điều ác, điều xấu trong nhân dân. – Góp phần to lớn làm cho đất nước được giàu mạnh, hưng thịnh và phát triển bền vững lâu dài. 4. Bài học lịch sử rút ra từ việc khắc bia tiến sĩ – Trong bất cứ thời đại nào, hiền tài luôn là “nguyên khí của quốc gia”, vì vậy, phải biết quý trọng người tài. – Thể hiện một cách rõ nét và sâu sắc trong quan niệm về giáo dục của đất nước, của nhân dân ta, phải không ngừng phát triển giáo dục và trọng dụng người tài đức. III. TỔNG KẾT 1. Nội dung - Bài kí khẳng định tầm quan trọng của hiền tài đối với quốc
---	---

	gia, khắc bia tiến sĩ là việc khích lệ nhân tài không những có ý nghĩa lớn đối với đương thời mà còn có ý nghĩa lâu dài đối với hậu thế - Thể hiện tấm lòng của Thân Nhân Trung với sự nghiệp xây dựng đất nước 2. Nghệ thuật - Kết cấu chặt chẽ, lập luận khúc chiết, giàu sức thuyết phục - Luận điểm, luận cứ rõ ràng; lời lẽ sắc sảo, thấu tình đạt lý
3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP a. Mục tiêu hoạt động: Viết đoạn văn khoảng 150 chữ nêu suy nghĩ của em về sự cần thiết của việc trọng dụng nhân tài. HS thực hành viết kết nối đọc theo hướng dẫn của GV	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện bài làm viết kết nối đọc Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	Bài làm mẫu Trần Nhân Trung từng nói: “Hiền tài là nguyên khí quốc gia”. Quốc gia hưng hay thịnh phụ thuộc vào tư tưởng, trí tuệ của hiền tài, bởi vậy mà việc trọng dụng hiền tài là rất cần thiết. Hiền tài là những con người có học thức, có trí tuệ, giỏi giang hơn người khác và quan trọng là có nhân cách tốt đẹp. Người vừa có tài, có khả năng hoàn thành mọi công việc; vừa có đức, có phẩm chất đạo đức biết sống hết mình vì mọi người, biết cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư,... mới là hiền tài chân chính, là người được quốc gia trọng dụng, đưa đất nước phát triển về mọi mặt. Việc trọng dụng nhân tài, hiền tài là không thể thiếu trong quá trình dựng nước và giữ nước. Từ xưa các bậc đế vương đã biết kêu gọi hiền tài, đề ra những chính sách hấp dẫn nhân tài, đưa ra những ích lợi, phần thưởng cho hiền tài và Hồ chủ tịch cũng đã bao lần kêu gọi hiền tài góp sức cho đất nước trong các cuộc kháng chiến, đề cao việc trọng dụng hiền tài. Dưới sự kêu gọi của Người, rất nhiều những nhân tài,

	hiền tài đã đứng lên đóng góp tài năng và trí tuệ của mình: các bậc trí thức tân tiến tài giỏi như Vũ Đình Tụng, Nguyễn Văn Huyền, Hoàng Minh Giám, Trần Văn Giàu, ... Dưới sự đóng góp của họ, đất nước ta đã chiến thắng các cuộc kháng chiến chống Pháp, Mĩ, đất nước tiến dần với nền độc lập, hòa bình. Nếu hiền tài không được kêu gọi, không được trọng dụng thì đất nước sẽ không thể tiến lên, không có sự hưng thịnh như ngày nay. Vì vậy, noi theo tấm gương của các bậc đế vương và Hồ chủ tịch, Đảng và Nhà nước ta hiện nay vẫn đề cao vai trò của việc trọng dụng hiền tài, kêu gọi hiền tài đóng góp công sức cho đất nước mình.
4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ a. Mục tiêu hoạt động: Liên hệ thực tế: Hiện nay, các tập đoàn lớn tuyển dụng nhân tài như thế nào? b. Nội dung thực hiện: HS thực hiện một bài luận ngắn về một trong các chủ đề cho sẵn	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện bài luận ngắn Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	HS sáng tạo theo hiểu biết và trí tưởng tượng của cá nhân Gợi ý cho HS thực hiện <i>Tham khảo phụ lục</i>

Phụ lục 1. Phiếu tìm hiểu về tác giả về thể văn bia (Dành cho GV muốn thay thế HĐ thảo luận thành làm phiếu)

PHIẾU HỌC TẬP

TÌM HIỂU VỀ TÁC GIẢ - TÁC PHẨM



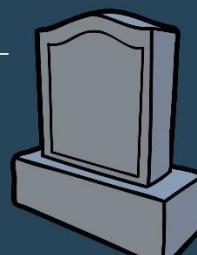
Ghi lại 3 thông tin mà em biết về tác giả Thân Nhân Trung

1

2

3

Nêu khái niệm về thể loại văn bia. Vì sao văn bia thường ngắn và có ngôn ngữ cực kỳ hàm súc?



PHIẾU HỌC TẬP

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

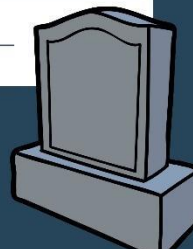


1

Hãy chỉ ra trong bài những câu văn cho thấy quan niệm và thái độ của tác giả đối với nhân tài.

2

Theo em, tác dụng của việc xây dựng bia là gì?



Phụ lục 2. Rubric chấm phần thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

Phụ lục 3. Rubric chấm bài viết viết KẾT NỐI VỚI ĐỌC

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	1 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả Sai kết cấu đoạn	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu đoạn Không có lỗi chính tả	3 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu đoạn Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (7 điểm)	1 – 4 điểm Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	5 – 6 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	7 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Điểm			
TỔNG			

Phụ lục 4. Hoạt động vận dụng, liên hệ

Khác với các doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp hay tập đoàn lớn sẽ có kênh tuyển dụng của riêng mình, không cần sử dụng kênh tuyển dụng trực tuyến từ bên ngoài.

Mọi thông tin tuyển dụng được công khai trên web doanh nghiệp, với đầy đủ thông tin nhiệm vụ, yêu cầu, thời gian ứng tuyển. Kèm theo đó là đường link nộp hồ sơ trực tiếp đến phòng nhân sự doanh nghiệp.

Đây là cách tuyển dụng thông qua phỏng vấn cho hầu hết mọi chức danh trong doanh nghiệp, tập đoàn. Với khối lượng lớn hồ sơ ứng tuyển, để quản lý hiệu quả, tất cả đều nhờ phần mềm quản lý tuyển dụng nhân sự chuyên nghiệp.

TIẾT 27,28. VĂN BẢN 2

YÊU VÀ ĐỒNG CẢM - Phong Tử khái

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- ❖ Học sinh nêu một số thông tin về tác giả và tác phẩm
- ❖ Học sinh hiểu được luận đề của văn bản nghị luận và cách tác giả xây dựng luận điểm, huy động lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ luận đề.
- ❖ Học sinh cảm nhận được chiều sâu quan niệm của tác giả về một vấn đề đời sống và nghệ thuật, đánh giá được hiệu quả của việc sử dụng yếu tố tự sự trong văn bản.
- ❖ Học sinh thấy được ý nghĩa của sự thấu hiểu, đồng cảm trong giao tiếp đời thường và giao tiếp nghệ thuật.

2. Về năng lực

- ❖ Học sinh vận dụng năng lực cảm thụ văn học để đọc hiểu văn bản theo thể loại
- ❖ Học sinh vận dụng năng lực ngôn ngữ để viết kết nối đọc

3. Về phẩm chất: Học sinh ý thức được tầm quan trọng của sự đồng cảm trong cuộc sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THẾ	
a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học	
b. Nội dung thực hiện:	
❖ GV cho HS xem video về khái niệm đồng cảm.	
❖ Link video: https://youtu.be/xD7Q5wG-2Vs	

❖ Phân đặt câu hỏi cho học sinh: Em hiểu như thế nào về sự đồng cảm trong cuộc sống? Khi bày tỏ sự đồng cảm với người khác hoặc khi nhận được sự đồng cảm của ai đó, bạn có tâm trạng như thế nào?	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên chiếu video Thu thập câu trả lời của học sinh Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh theo dõi và trả lời câu hỏi Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt ý và dẫn dắt vào bài học.	<i>GV dẫn dắt vào bài học</i> <i>Tìm hiểu về văn bản Yêu và đồng cảm</i>
2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI a. Mục tiêu hoạt động: ❖ Học sinh nêu một số thông tin về tác giả và tác phẩm ❖ Học sinh hiểu được luận đề của văn bản nghị luận và cách tác giả xây dựng luận điểm, huy động lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ luận đề. ❖ Học sinh cảm nhận được chiều sâu quan niệm của tác giả về một vấn đề đời sống và nghệ thuật, đánh giá được hiệu quả của việc sử dụng yếu tố tự sự trong văn bản. ❖ Học sinh thấy được ý nghĩa của sự thấu hiểu, đồng cảm trong giao tiếp đời thường và giao tiếp nghệ thuật. b. Nội dung thực hiện: ❖ Học sinh hoàn thiện phiếu học tập tìm hiểu chung về tác giả tác phẩm ❖ Học sinh chia nhóm thảo luận để tìm hiểu nội dung văn bản ❖ Học sinh phát vấn, thảo luận về tầm quan trọng của sự đồng cảm trong hoạt động sáng tạo nghệ thuật.	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên phát phiếu học tập HS đọc thông tin, tìm hiểu và hoàn	I. Những nét chính về tác giả, tác phẩm 1. Tác giả <i>a. Tiểu sử:sgk</i>

thành phiếu tìm hiểu chung về tác phẩm Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thảo luận và hoàn thành phiếu Thời gian: 10 phút Chia sẻ: 3 phút Phản biện và trao đổi: 2 phút Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	2. Phong cách sáng tác -Tản văn của ông có phong cách bình dị mộc mạc, ý nghĩa khoan hậu nhân từ mà sâu sắc, và cả sự thú vị hồn nhiên như trẻ thơ, là những giai phẩm được tôn sùng trong văn học hiện đại Trung Quốc, nhiều lần được chọn đưa vào sách giáo khoa Ngữ văn bậc tiểu học và trung học. - Tranh của ông hài hước dí dỏm, lưu truyền rộng rãi, được nhiều người yêu thích, sưu tầm. 2. Tác phẩm a. Xuất xứ - Văn bản <i>Yêu và đồng cảm</i> được trích trong tập <i>Sống vốn đơn thuần</i> của Phong Tử Khải, là chương 5 của cuốn sách, có tiêu đề là <i>Sống mà học nghệ thuật</i>. - <i>Sống vốn đơn thuần</i> là tập văn - họa khá đặc trưng cho phong cách viết, vẽ của tác giả b. Bố cục 4 phần: - Phần 1: đoạn 1 + 2: những cảm nhận ban đầu và cách lý giải của tác giả về lòng đồng cảm - Phần 2: đoạn 3: cách thể hiện và ý nghĩa của lòng đồng cảm - Phần 3: đoạn 4 + 5: đối tượng của lòng đồng cảm và điểm tương đồng trong sự đồng cảm giữa trẻ em và người nghệ sĩ - Phần 4: đoạn 6: thông điệp gửi gắm của tác giả mong muốn mọi người hãy có lòng đồng cảm với vạn vật trong cuộc sống thường ngày
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên chia 4 nhóm để HS tìm hiểu về văn bản Nhóm Nhạc sĩ . Em hãy tìm trong văn bản những đoạn, những câu nói về trẻ	II. Đọc hiểu văn bản 1. Những cảm nhận ban đầu và cách lý giải của tác giả về lòng đồng cảm. (đoạn 1+ 2) - Mở đầu bằng một câu chuyện: cậu bé lật chiếc đồng hồ quả quýt úp xuống bàn; chuyển chén trà đặt phía sau quai ẩm

em và cho biết vì sao tác giả lại nhắc nhiều đến trẻ em và tới tuổi thơ như vậy? Nhóm Thám tử. Xác định nội dung trọng tâm của từng phần đã được đánh số trong văn bản và đánh giá sự liên kết giữa các phần Nhóm Họa sĩ. Tác giả đã phát hiện điểm tương đồng gì giữa trẻ em và người nghệ sĩ? Nhóm Nhà văn. Theo em, nếu không có đoạn kể về chú bé giúp tác giả sắp xếp đồ đạc ở phần 1, sức hấp dẫn, thuyết phục của văn bản Yêu và đồng cảm sẽ bị ảnh hưởng như thế nào? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thảo luận và trả lời Có thể dựa vào phiếu học tập gợi ý Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	trà lên trước vôi ẩm; bắc ghế treo lên giầu dây treo tranh trên tường buông thông thò ra ngoài. - Câu chuyện về sự đồng cảm => sự chú ý để tâm đến đồ vật, sự bày trí sắp xếp vị trí của chúng có thoải mái thì người nhìn vào mới cảm thấy dễ chịu. - Tâm cảnh trước cái đẹp là thủ pháp thường dùng trong văn miêu tả, là vấn đề cấu trúc thường gặp trong hội họa. => Tất cả đều được phát triển từ hội họa. => Người nghệ sĩ phải có lòng đồng cảm bao la như tấm lòng trời đất. - Chiêm nghiệm về cách nhìn đời của những người có nghề nghiệp khác nhau => Tiêu chuẩn giá trị trong thế giới của Mĩ khác hẳn trong thế giới của Chân và Thiện. Chúng ta chỉ thưởng thức dáng vẻ, màu sắc, hình dạng của sự vật chứ không quan tâm tới giá trị thực tiễn của chúng. => <i>Vì vậy tấm lòng người nghệ sĩ đối với mọi sự vật trên đời đều phải đồng cảm và nhiệt thành.</i>
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên đặt câu hỏi phát vấn tìm hiểu về nội dung của đoạn văn: - Phải chăng đồng cảm là một phẩm chất không thể thiếu ở người nghệ sĩ? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ	2. Cách thể hiện và ý nghĩa của lòng đồng cảm - Cách thể hiện lòng đồng cảm của người nghệ sĩ: + Họa sĩ đưa tấm lòng mình về trạng thái hồn nhiên của trẻ em, đặt lòng mình vào biểu cảm đau khổ của người ăn mày. + Cùng buồn cùng vui, cùng khóc cùng cười với đối tượng miêu tả.

Học sinh thảo luận và trả lời Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	- Ý nghĩa của lòng đồng cảm: + Nhờ có lòng đồng cảm như thế người họa sĩ có được sức mạnh tinh thần phong phú mà dư dật. + Nếu không có lòng đồng cảm bao la như thế thì người nghệ sĩ không thể trở thành người họa sĩ thực thụ được. + Nghệ sĩ lớn ắt phải là người có nhân cách vĩ đại. 3. Đối tượng của lòng đồng cảm và điểm tương đồng trong sự đồng cảm giữa trẻ em và người nghệ sĩ - Đối tượng của lòng đồng cảm: + Lòng đồng cảm của nghệ sĩ không chỉ dành cho đồng loại mà còn trải khắp sinh vật và phi sinh vật ở mọi nơi. + Nếu chúng ta bước được vào thế giới của Mĩ, mở rộng lòng để biết đồng cảm nhiều hơn với vạn vật thì sẽ cảm nhận được rõ rệt những tình cảnh ấy. - Sự đồng điệu giữa trẻ em và người nghệ sĩ + Tác giả cho rằng trẻ em giàu lòng đồng cảm hơn. + Chúng không chỉ biết đồng cảm với con người mà còn biết đồng cảm với thế giới tự nhiên như chó mèo, chim cá, bướm sâu...chúng hồn nhiên trò chuyện. + Chúng thường để ý và quan tâm đến những điều mà người lớn không quan tâm đến, phát hiện ra những điểm mà người lớn không phát hiện đến. + Bản chất của trẻ thơ là nghệ thuật. => Tác giả thường nhắc tới trẻ em vì: theo tác giả trẻ em là người đã dạy cho người nghệ sĩ và tất cả chúng ta cách nhìn đời, cách nhận ra mối tương thông giữa vạn vật về sự cần thiết phải duy trì sự hồn nhiên, vô tư trong suốt khi ứng xử với thế giới, với nghệ thuật. => Con người ta vốn là nghệ thuật, vốn giàu lòng đồng cảm. Chỉ vì lớn lên bị một số yếu tố bên ngoài tác động nên tầm
--	---

	lòng ấy bị dồn ép, cản trở và dần trở nên hao mòn. Chỉ có người thông minh, không khuất phục mới giữ được tấm lòng đáng quý ấy của họ. Đó mới là người nghệ sĩ thực thụ. 4. Thông điệp gửi gắm của tác giả - Chỉ cần đặt tình cảm của mình vào tác phẩm nghệ thuật hoặc thiên nhiên đẹp đẽ, đồng cảm với chúng, bạn sẽ hiểu được cái đẹp của chúng. - Chúng ta vẫn có thể thấy được thời hoàng kim của tuổi thơ, thấy thế giới hạnh phúc, nhân ái và hòa bình nhờ vào việc bồi đắp nghệ thuật. - Mỗi cá nhân biết yêu thương và cảm thông với người khác III. TỔNG KẾT 1. Nội dung - Cho thấy lòng đồng cảm luôn hiện hữu trong cuộc sống của con người và tác động đến cả vạn vật xung quanh - Khẳng định giá trị và ý nghĩa của lòng đồng cảm đối với con người, giúp cuộc sống nhiều cảm xúc và con người có thể gần gũi, gắn kết nhau hơn - Lòng đồng cảm không chỉ giữa con người với nhau mà còn giữa con người với thiên nhiên, vạn vật 2. Nghệ thuật - Ngôn từ mộc mạc, dễ hiểu - Cách triển khai ý và luận điểm trong văn bản rõ ràng, logic - Văn phong tự nhiên, dễ tiếp nhận
3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP a. Mục tiêu hoạt động: Dựa vào nội dung tìm hiểu tác phẩm viết kết nối đọc: Sự đồng cảm tạo nên vẻ đẹp gắn kết của thế giới b. Nội dung thực hiện HS thực hành viết kết nối đọc theo hướng dẫn của GV	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập	Bài làm mẫu

Giáo viên giao nhiệm vụ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện bài làm viết kết nối đọc Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	Một nhà văn Nga đã từng nói: “Nơi lạnh nhất không phải là Bắc cực mà là nơi không có tình thương”. Con người cần có sự đồng cảm để sưởi ấm trái tim, gắn kết con người với con người, tạo nên một thế giới tươi đẹp. Đồng cảm là sự đồng điệu trong cảm xúc, là biết rung cảm trước những vui buồn của người khác, đặt mình vào hoàn cảnh của người khác để hiểu và cảm thông với họ. Sự đồng cảm không chỉ là giữa người với người mà còn là sự đồng cảm giữa người với vật; cần có sự đồng cảm với mọi vật trên đời để có một tấm lòng cao cả, có một mối quan hệ tốt đẹp và hơn hết là một cuộc sống luôn hạnh phúc. Sự đồng cảm được thể hiện qua hành động như xây dựng nên những tổ chức Quỹ chữ thập đỏ, Trái tim cho em, Phong trào kế hoạch nhỏ thu gom giấy vụn, ... mang tấm lòng đồng cảm đến mọi người. Hay đồng cảm với sự vật bằng cách hòa mình vào chúng, mang theo cái nhìn đầy tình cảm để thưởng thức và ngắm nhìn mọi vật một cách nhân tính hóa. Sự đồng cảm có vai trò quan trọng góp phần hoàn thiện nhân cách con người, xây dựng một xã hội văn minh, nhân ái, làm cho mối quan hệ giữa người với người trở nên tốt đẹp hơn, thân thiện hơn, gắn bó hơn... Tuy nhiên thế hệ trẻ ngày nay vẫn còn một số bộ phận thanh thiếu niên không có sự đồng cảm, sống ích kỉ, thờ ơ với mọi thứ, gây ảnh hưởng đến sự phát triển của xã hội. Đồng cảm là một lối sống đẹp, một lối ứng xử giữa người với người cần được gìn giữ và phát huy. Lối ứng xử tốt đẹp đó không chỉ sưởi ấm lòng người khác, đem lại hạnh phúc cho chính mình mà đồng cảm còn tạo nên vẻ đẹp gắn kết của thế giới.
4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh vận dụng liên hệ: Nhà thơ Xuân Diệu từng viết: “Hãy nhìn đời bằng đôi mắt xanh non” (Đôi mắt xanh non, trong tập <i>Riêng chung</i>, NXB Văn học, Hà Nội, 1960). Dựa vào	

nội dung văn bản *Yêu và đồng cảm*, hãy thử nêu lí do khiến nhà thơ Xuân Diệu đề nghị như vậy.

b. Nội dung thực hiện: HS trình bày và chia sẻ ý tưởng

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

Giáo viên giao nhiệm vụ

Học sinh thảo luận và thực hiện

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh suy ngẫm và thực hiện

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh trình bày phần bài làm của mình

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo

Gợi ý:

Lí do khiến nhà thơ Xuân Diệu đề nghị như vậy:

- Đôi mắt xanh non là chỉ đôi mắt của trẻ con, nhìn đời một cách ngây thơ, hồn nhiên nhất để cảm nhận thế giới trong một màu hồng tươi đẹp.

- Nhìn đời bằng đôi mắt của trẻ nhỏ sẽ giúp ta cảm nhận cuộc sống dưới một góc độ tươi đẹp hơn, không có sự mệt mỏi và chỉ tràn đầy niềm vui, hạnh phúc.

- Nhà thơ muốn quay trở lại tuổi thơ, trở lại hình hài của một đứa trẻ để cảm nhận được tình yêu, niềm hạnh phúc khi được vui chơi mà không cần lo nghĩ việc đời.

Phụ lục 1. Phiếu tìm hiểu chung

PHIẾU HỌC TẬP

VĂN BẢN: YÊU VÀ ĐỒNG CẢM

Điền dấu x vào ô trống trước câu trả lời đúng về thông tin của tác giả và tác phẩm

- ☐ Phong Tử Khải (1898-1975) là nhà văn, họa sĩ, dịch giả và nhà lí luận giáo dục âm nhạc, nghệ thuật nổi tiếng của Việt Nam.
- ☐ Ông từng tôn Pháp sư Hoằng Nhất (Lý Thúc Đồng) làm thầy, thông hiểu văn hóa Trung Quốc lẫn phương Tây.
- ☐ Tranh của ông hài hước dí dỏm, lưu truyền rộng rãi, được nhiều người yêu thích, sưu tầm.
- ☐ Văn bản Yêu và đồng cảm được trích trong tập Sống vốn đơn thuần của Phong Tử Khải, là chương 8 của cuốn sách, có tiêu đề là Sống mà học nghệ thuật.
- ☐ Sống vốn đơn thuần là tập văn - họa khá đặc trưng cho phong cách viết, vẽ của tác giả

Phụ lục 2. Phiếu tìm hiểu văn bản

PHIẾU HỌC TẬP

VĂN BẢN: YÊU VÀ ĐỒNG CẢM

Nhóm Họa sĩ

Tác giả đã phát hiện điểm tương đồng gì giữa trẻ em và người nghệ sĩ?

Nhóm thám tử

Theo em, nếu không có đoạn kể về chú bé giúp tác giả sắp xếp đồ đạc ở phần 1, sức hấp dẫn, thuyết phục của văn bản Yêu và đồng cảm sẽ bị ảnh hưởng như thế nào?

PHIẾU HỌC TẬP

VĂN BẢN: YÊU VÀ ĐỒNG CẢM

Nhóm Nhạc sĩ

Em hãy tìm trong văn bản những đoạn, những câu nói về trẻ em và cho biết vì sao tác giả lại nhắc nhiều đến trẻ em và tới tuổi thơ như vậy?

Nhóm thám tử

Xác định nội dung trọng tâm của từng phần đã được đánh số trong văn bản và đánh giá sự liên kết giữa các phần

Phụ lục 3. Rubric đánh giá thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cầu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

Phụ lục 4. Rubric chấm bài viết kết nối đọc

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	1 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày câu thả Sai lỗi chính tả Sai kết cấu đoạn	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chín chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu đoạn Không có lỗi chính tả	3 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chín chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu đoạn Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (7 điểm)	1 – 4 điểm Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	5 – 6 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	7 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Điểm			
TỔNG			

I. MỤC TIÊU**1. Yêu cầu cần đạt:**

- Hiểu rõ được những yêu cầu khi làm bài Đọc hiểu, bài văn NL VH
- Nhận ra ưu, nhược điểm trong bài làm của mình biết cách sửa chữa, rút kinh nghiệm cho bản thân.

2. Năng lực

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành bài văn NLVH
- Năng lực tiếp thu luyện kỹ năng sửa chữa lỗi trong bài kiểm tra của bản thân và của bạn.

3. Phẩm chất:

- Nghiêm túc chỉnh sửa những lỗi trong bài kiểm tra.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án, SGK
- Bài của học sinh, đề bài, hướng dẫn chấm – biểu điểm.

2. Chuẩn bị của học sinh: Ôn lại kiến thức trong đề kiểm tra.**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC****A. KHỞI ĐỘNG**

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng khởi cho hs.

b. Nội dung: GV kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh.

c. Sản phẩm: Hs chuẩn bị kiến thức đã học

d. Tổ chức thực hiện:**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS chia sẻ: *Em đã xem lại phần kiến thức đã kiểm tra trong bài kiểm tra hôm trước chưa?*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS nghe GV nêu yêu cầu, hoàn thành bài tập thân để trình bày trước lớp.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời 2 – 3 HS chia sẻ.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, khen ngợi các HS đã chia sẻ.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Tiết học hôm nay sẽ nhận xét và chữa bài kiểm tra giữa kì.*

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**Hoạt động 1: Nhắc lại, khắc sâu yêu cầu của kiểu bài**

a. Mục tiêu: Hiểu rõ được những yêu cầu của kiểu bài.

b. Nội dung: HS sử dụng bài làm, so sánh với đáp án GV đưa ra.

c. Sản phẩm học tập: HS so sánh bài làm với đáp án.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập -GV Cần lưu ý điều gì với phần Đọc – hiểu? Đọc kĩ, trả lời đúng yêu cầu câu hỏi đề cho	1. Đọc hiểu

HS nhắc lại yêu cầu chung của bài văn NLVH GV nhắc lại các lưu ý khi làm bài văn NLVH về 1 phương diện nghệ thuật trong tác phẩm truyện Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS lắng nghe, thực hiện theo yêu cầu của GV. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	2. Yêu cầu đối với bài văn NLVH
---	---

Hoạt động 2: Nhận xét ưu, khuyết điểm, trả bài, gọi điểm

a. Mục tiêu: Nhận ra ưu, khuyết điểm của bản thân và cách sửa chữa:

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài học.

c. Sản phẩm học tập: H HS rút kinh nghiệm bài viết.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV nhận xét chung về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt ở bài viết của HS, chọn một số bài viết thuộc các mức độ khác nhau để HS rút kinh nghiệm. - GV trả bài cho HS, yêu cầu HS chỉnh sửa theo hướng dẫn trong SHS và những phân tích, bổ sung ở trên. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS nghe yêu cầu, tự sửa các lỗi trong bài làm của mình và rút kinh nghiệm.	II. ƯU, KHUYẾT ĐIỂM: 1. Ưu điểm: + Nhiều em đã biết cách làm bài, hiểu yêu cầu của đề. + Trình bày khoa học. - Thể hiện rõ cá tính trong bài viết; sáng tạo trong cách diễn đạt. 2. Nhược điểm: - Một số em chưa biết cách làm bài * Kiến thức: + Chưa nắm vững yêu cầu bài làm. + Bài văn nêu còn sơ sài * Diễn đạt: - Dùng từ : Một số em dùng từ ngữ chưa chính xác, chưa biết cách diễn đạt mạch lạc, logic. - Lối văn : Một số em viết bài chưa đạt yêu cầu.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. - Hướng dẫn HS viết lại bài văn cảm nhận.	- Chữ viết : Ấu, sai lỗi chính tả nhiều, gạch xóa, trình bày không khoa học. 3. Kết quả: 4. Hướng dẫn chữa bài: - Lỗi chính tả : - Lỗi diễn đạt : Lủng củng, lặp từ, sai từ. III. Trả bài:
--	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS củng cố kiến thức.

b. Nội dung: GV giao bài tập, HS suy nghĩ, trả lời.

c. Sản phẩm học tập: HS viết bài theo yêu cầu.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS: Đọc bài viết của các bạn trong nhóm và cùng trao đổi, góp ý.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc và hoàn thành bài tập

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS hoàn thiện bài viết của mình.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để chỉnh sửa bài viết

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để chỉnh sửa lại bài.

c. Sản phẩm học tập: Đoạn văn HS viết được.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS rà soát, chỉnh sửa văn bản tóm tắt vừa hoàn thành theo gợi ý:

Em rút ra kinh nghiệm gì sau khi làm bài văn này?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS nghe yêu cầu và sửa lỗi trong bài kiểm tra theo nhận xét của giáo viên.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS đại diện trình bày.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, lưu ý cả lớp, khen ngợi HS đã trình bày bài tập trước lớp.

Tiết 30. VĂN BẢN 3

CHỮ BÀU LÊN NHÀ THƠ- Lê Đạt

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- ❖ Học sinh nêu một số thông tin về tác giả, tác phẩm
- ❖ Học sinh nhận biết được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận bàn về một vấn đề văn học.
- ❖ Học sinh phân tích được quan niệm độc đáo của nhà thơ Lê Đạt về yếu tố then chốt trong sáng tạo thơ, cũng là yếu tố làm nên khuôn mặt riêng biệt của thơ so với các loại hình sáng tác ngôn từ khác.

2. Về năng lực

- ❖ Học sinh vận dụng năng lực ngôn ngữ và cảm thụ văn học để đọc hiểu văn bản nghị luận
- ❖ Học sinh vận dụng năng lực viết để thực hành viết đoạn văn kết nối đọc

3. Về phẩm chất: Học sinh nhận thức được đầy đủ hơn về lao động thơ và nhà thơ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THẾ	
a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học	
b. Nội dung thực hiện:	
❖ GV cho HS chơi trò chơi: GIẢI Ô CHỮ	
❖ Nội dung các ô chữ là tên của một số nhà thơ nổi tiếng	

❖ Cuối cùng Giáo viên đặt câu hỏi phát vấn

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

Giáo viên chiếu hình ảnh

Giáo viên đặt câu hỏi phát vấn sau khi kết thúc trò chơi: ***Trong hình dung của em, nhà thơ phải là người như thế nào? Em có cho rằng việc làm thơ gắn liền với những phút cao hứng, “bốc đồng”?***

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh theo dõi và trả lời câu hỏi

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh chia sẻ

Bước 4. Kết luận, nhận định

Giáo viên chốt ý và dẫn dắt vào bài học.

Gợi ý đáp án

- Ô chữ 1: TỔ HỮU

- Ô chữ 2: HUY CẬN

- Ô chữ 3: XUÂN DIỆU

- Ô chữ 4: CHẾ LAN VIÊN

- Ô chữ 5: TẾ HẠNH

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

a. Mục tiêu hoạt động:

❖ **Học sinh** nêu một số thông tin về tác giả, tác phẩm

❖ **Học sinh nhận biết** được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận bàn về một vấn đề văn học.

❖ **Học sinh phân tích** được quan niệm độc đáo của nhà thơ Lê Đạt về yếu tố then chốt trong sáng tạo thơ, cũng là yếu tố làm nên khuôn mặt riêng biệt của thơ so với các loại hình sáng tác ngôn từ khác.

b. Nội dung thực hiện: ❖ Học sinh hoàn thiện phiếu học tập tìm hiểu chung về tác giả tác phẩm ❖ Học sinh chia nhóm thảo luận để tìm hiểu về văn bản ❖ Học sinh phát vấn, thảo luận về nghệ thuật và quan niệm của Lê Đạt	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên phát phiếu học tập HS đọc thông tin, tìm hiểu và hoàn thành phiếu tìm hiểu chung về tác phẩm Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thảo luận và hoàn thành phiếu Thời gian: 10 phút Chia sẻ: 3 phút Phản biện và trao đổi: 2 phút Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	I. Những nét chính về tác giả, tác phẩm 1. Tác giả: sgk 2. Tác phẩm a. Hoàn cảnh sáng tác và xuất xứ - Văn bản được in lần đầu trên báo Văn nghệ, số 34, năm 1994 - Tiểu luận thể hiện rõ quan niệm của Lê Đạt về nghề thơ, giúp soi sáng phần nào hướng tìm tòi độc đáo trong thơ ông. b. Bố cục - Đoạn 1: Những ý kiến được nhà thơ phát biểu ở các diễn đàn khác nhau, xoay quanh đặc thù của lao động thơ, của ngôn từ trong thơ. - Đoạn 2: Đối thoại với những quan niệm mà tác giả không đồng tình trên vấn đề lao động thơ và nhận diện tầm vóc nhà thơ qua cách nhà thơ tìm phiếu ủng hộ từ “cử chi chữ” - Đoạn 3: Luận về sự thống nhất mà khác biệt giữa các con đường thơ và thước đo một nhà thơ chân chính.
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên phát Phiếu tìm hiểu văn bản Chia lớp thành 4 nhóm theo hình thức	II. Đọc hiểu văn bản 1. Những ý kiến được nhà thơ phát biểu ở các diễn đàn khác nhau, xoay quanh đặc thù của lao động thơ, của ngôn

KHẪN TRÁI BÀN. - Nhóm 1: Nêu những ý kiến được nhà thơ phát biểu ở các diễn đàn - Nhóm 2: Tác giả không trực tiếp định nghĩa khái niệm chữ. Dựa vào “ý tại ngôn ngoại” của văn bản, em hãy thử thực hiện công việc này. - Nhóm 3: “Không có chức nhà thơ suốt đời”, vậy lúc nào có một nhà thơ không còn là nhà thơ nữa? - Nhóm 4: Bài viết của Lê Đạt đã giúp em hiểu thêm gì về hoạt động sáng tạo thơ ca? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh suy nghĩ và trả lời Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ câu trả lời Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	từ trong thơ. - Tại cuộc Hội thảo Văn miếu và trong tập Bóng chữ, nhà thơ phát biểu - Nhà thơ đã đưa ra sự khác nhau giữa ngôn ngữ trong văn và ngôn ngữ thơ. 2. Đối thoại với những quan niệm mà tác giả không đồng tình trên vấn đề lao động thơ và nhận diện tầm vóc nhà thơ qua cách nhà thơ tìm phiếu ủng hộ từ “cử chi chữ” - Tác giả đã tranh luận với hai quan niệm khá phổ biến: + Thơ gắn liền với những cảm xúc bộc phát, bốc đồng, làm thơ không cần cố gắng + Thơ là vấn đề của những năng khiếu đặc biệt xa lạ với lao động làm lũi và nỗ lực trau dồi học vấn. - Để minh chứng cho lí lẽ của mình, nhà thơ đã đưa các nhà văn, nhà diễn thuyết nổi tiếng để tạo căn cứ cho luận điểm. - Tác giả không đồng tình với định kiến: các nhà thơ Việt Nam thường chín sớm nên cũng lụi tàn sớm. Đó là những nhà thơ chủ yếu sống bằng vốn trời cho. - Nhà thơ bày tỏ sự kính trọng đối với những nhà thơ một nắng hai sương, làm lũi, lực điền trên cánh đồng giấy, đổ bát mồ hôi lấy từng hạt chữ. - Ông đưa những tấm gương nhà thơ: Lý Bạch, Xa – a – đi, Gót, Ta – go làm minh chứng. => Tác giả muốn người đọc đừng dễ dãi tin vào những nhận định phổ biến mà cần phải đào sâu vấn đề với ý thức phản biện thường trực.
--	---

- Nhận định “chữ bầu lên nhà thơ”;

+ Theo nhà thơ gốc Pháp, Gia – rét: không có chức nhà thơ suốt đời . Mỗi lần làm một bài thơ, nhà thơ phải ứng cử trong một cuộc bầu khắc nghiệt của cử tri chữ.

+ “Chữ” là ngôn ngữ nghệ thuật in đậm dấu ấn sáng tác của nhà thơ và chữ trong thơ là loại ngôn ngữ đặc thù khác với ngôn ngữ đời thường và ngôn ngữ ngôn ngữ văn xuôi, không còn là ngôn ngữ biểu đạt thông thường mà đã trở thành một đối tượng tự dựng mình thành cõi riêng, thách thức khám phá.

Theo tác giả, nhà thơ là một nghề nghiệp không dễ làm, để tạo ra một bài thơ thì nhà thơ cần phải thông qua một cuộc bầu cử chữ. Chữ trong thơ cũng không giống chữ trong văn chương, không thể chỉ hiểu theo nghĩa từ điển mà phải hiểu theo “ý tại ngôn ngoại”.

3. Luận về sự thống nhất mà khác biệt giữa các con đường thơ và thước đo một nhà thơ chân chính.

- Theo tác giả, con đường thơ gồm nhiều con đường riêng rất khác nhau của từng người. Không có con đường chung cho toàn thể mọi người.

- “Con đường thơ chính là số phận của một nhà thơ”: cách nói thể hiện sự liên kết, mối quan hệ chặt chẽ giữa nhà thơ và tác phẩm của họ.

- Nhà thơ phải dùi mài, lao động chữ, biến ngôn ngữ công cộng thành ngôn ngữ đặc sản độc nhất làm phong phú cho tiếng mẹ đẻ.

=> Trong quá trình sáng tạo chữ, nhà thơ sẽ có những phát bất chợt, những cảm hứng ngẫu nhiên hoặc phải làm việc chăm chỉ

	trên những trang giấy để tạo ra những câu thơ hay và ý nghĩa. Một nhà thơ có thành công tạo ra một bài thơ xuất sắc hay không là phải nhờ vào ngôn ngữ, ý nghĩa thơ. III. TỔNG KẾT 1. Nội dung Tiểu luận thể hiện rõ quan niệm của Lê Đạt về nghề thơ, giúp soi sáng phần nào hướng tìm tòi độc đáo trong thơ ông. 2. Nghệ thuật - Lời văn rõ ràng, rành mạch - Cách trình bày luận điểm rõ ràng - Lời văn súc tích, dễ hiểu
3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP a. Mục tiêu hoạt động: Dựa vào nội dung đã học HS thực hành viết kết nối đọc theo hướng dẫn của GV: <i>Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) nêu suy nghĩ về một nhận định mà em cảm thấy tâm đắc nhất trong văn bản “Chữ bầu lên nhà thơ” của Lê Đạt.</i>	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện bài làm viết kết nối đọc Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định	Bài làm mẫu Tác giả Lê Quang Đạt đã đưa ra nhận định hay và thú vị là Chữ bầu lên nhà thơ, để làm nổi bật tầm quan trọng của chữ đối với các nhà thơ trong quá trình sáng tạo nghệ thuật. Chữ không chỉ hiểu đơn giản là vô âm thanh mà quan trọng đó chính là ngôn ngữ được sử dụng, tổ chức một cách nghệ thuật. Chữ bầu lên nhà thơ là khẳng định vai trò của ngôn ngữ đối với nhà thơ; ngôn ngữ là yếu tố không thể thiếu trong văn học; nó khẳng định tài năng, phong cách của người nghệ sĩ. Ngôn ngữ thơ là tinh hoa tối cao của ngôn ngữ, là kiến trúc ngôn từ đặc biệt; tạo lập và tôn vinh vị thế nhà thơ. Khi nhà thơ cần

GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	mẫn với chữ thì sẽ có sự lựa chọn phù hợp nhất để diễn đạt ý cần nói, để tiếng lòng của mình được vang lên, được hữu hình hóa thành câu chữ, âm thanh, nhịp điệu. Nhà thơ Đỗ Phủ hay còn được người đời gọi là “thi thánh” với bài thơ Thu hứng đã sử dụng những câu chữ mang tính ước lệ, lời thơ buồn với những âm vang và nhịp điệu đã đưa người đọc đến với thế giới cảm xúc tâm hồn của nhà thơ. Quá trình sáng tạo nghệ thuật đầy sự khó khăn, vất vả, nhà thơ phải thổi hồn vào tác phẩm thông qua ngôn ngữ thơ ca, phải dựa vào chữ để tạo ra những tác phẩm đặc sắc. Điều đó cũng cho ta thấy Chữ bầu lên nhà thơ là một nhận định đúng.
4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh vận dụng liên hệ kiến thức trong bài học với cuộc sống b. Nội dung thực hiện: HS mở cuộc hội thảo “Làm thế nào để lưu giữ những bài thơ để nó không bị phai nhòa theo năm tháng”	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Học sinh thảo luận và thực hiện Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh suy ngẫm và thực hiện hội thảo theo nhóm Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các	Gợi ý một số cách để giữ gìn giá trị của các tác phẩm văn học: - Thường xuyên tổ chức các hoạt động tìm hiểu về nhà thơ, tác phẩm thơ - Xây dựng thư viện thơ - Hưởng ứng ngày đọc sách do nhà trường, Đoàn, Đội tổ chức nhằm tuyên truyền giá trị văn hóa đọc.

chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	
---------------------------------	--

Phụ lục 1. Phiếu học tập tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm

PHIẾU HỌC TẬP

Điền từ còn thiếu vào ô trống để hoàn thành thông tin về tác giả Lê Đạt và văn bản "Chữ bầu lên nhà thơ"

1

Lê Đạt tên thật là , (10/09/1929 - 21/04/2008), là một nhà thơ Việt Nam

2

Ông quê ở Bắc Giang nhưng sinh ra tại

3

Văn bản được in lần đầu trên báo Văn nghệ, số 34, năm

4

Tiểu luận thể hiện rõ quan niệm của Lê Đạt về giúp soi sáng phần nào hướng tìm tòi độc đáo trong thơ ông.

Nêu cảm nhận của em về nhà thơ Lê Đạt

PHIẾU HỌC TẬP

TÌM HIỂU VĂN BẢN

NHÓM 1

-
-
-
-
-
-
-
-

NHÓM 2

-
-
-
-
-
-
-
-

PHIẾU HỌC TẬP

TÌM HIỂU VĂN BẢN

NHÓM 3

-
-
-
-
-
-
-
-

NHÓM 4

-
-
-
-
-
-
-
-

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhất Vẫn còn 1 thành viên	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên

	tham gia hoạt động	không tham gia hoạt động	đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

Phụ lục 4. Rubric chấm bài viết kết nối đọc

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	1 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả Sai kết cấu đoạn	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chín chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu đoạn Không có lỗi chính tả	3 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chín chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu đoạn Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (7 điểm)	1 – 4 điểm Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	5 – 6 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	7 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Điểm			

TỔNG	
-------------	--

TIẾT 31. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Lỗi về mạch lạc và liên kết trong đoạn văn, văn bản

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- ❖ **Học sinh nhắc lại** một số lí thuyết về đặc điểm của mạch lạc và liên kết trong đoạn văn, văn bản.
- ❖ **Học sinh nhận biết** được những lỗi mạch lạc và liên kết trong văn bản, nêu được cách chỉnh sửa hay chủ động chỉnh sửa.
- ❖ **Học sinh vận dụng** để hoàn thành bài tập

2. Về năng lực

Học sinh vận dụng năng lực ngôn ngữ để giải bài tập và nhận biết được lỗi về mạch lạc và liên kết trong đoạn văn, văn bản.

3. Về phẩm chất: Trân trọng và yêu sự trong sáng của tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

- Học liệu:** Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập
- Thiết bị:** Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THỂ	
a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học	
b. Nội dung thực hiện:	
❖ Chơi trò chơi: Nối từ	
❖ GV chia lớp thành các đội chơi nối từ	
❖ Đội nào không có từ tiếp theo để nối là đội thua	

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV tổ chức hoạt động Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh suy nghĩ và trả lời Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên dẫn dắt vào bài học: Sự liên kết và mạch lạc của từ ngữ cũng giống như trong đoạn văn và văn bản. Nó đều có sự thống nhất và có ý nghĩa nhất định.	Học sinh tham gia chơi trò chơi								
2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI a. Mục tiêu hoạt động: ❖ Học sinh nhắc lại một số lí thuyết về đặc điểm của mạch lạc và liên kết trong đoạn văn, văn bản. ❖ Học sinh nhận biết được những lỗi mạch lạc và liên kết trong văn bản, nêu được cách chỉnh sửa hay chủ động chỉnh sửa. ❖ Học sinh vận dụng để hoàn thành bài tập b. Nội dung thực hiện: ❖ Học sinh thực hiện bảng K – W – L - T kiến thức về từ Hán Việt đã học ❖ Học sinh điền phần K và W ❖ Học sinh chia nhóm hoàn thành bài tập trong SGK ❖ Giáo viên chốt kiến thức ❖ Học sinh điền phần L – T và tự đánh giá sau bài học									
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên cho HS thực hiện bảng KWLT về liên kết và mạch lạc trong đoạn văn, văn bản K: Điều đã biết	● Phiếu K – W – L – T <table><tr><td>K</td><td>W</td><td>L</td><td>T</td></tr><tr><td>Điều con đã biết</td><td>Điều con muốn</td><td>Điều con học</td><td>Điều con sẽ dạy lại các</td></tr></table>	K	W	L	T	Điều con đã biết	Điều con muốn	Điều con học	Điều con sẽ dạy lại các
K	W	L	T						
Điều con đã biết	Điều con muốn	Điều con học	Điều con sẽ dạy lại các						

W: Điều muốn biết thêm L: Điều học được T: Điều sẽ dạy các bạn Giáo viên chia lớp thành các nhóm theo năng lực để giải các bài tập trong SGK Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thảo luận và hoàn thành phiếu Thời gian: 10 phút Chia sẻ: 3 phút Phản biện và trao đổi: 2 phút Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần bài làm Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức	<table><tr><td></td><td>biết</td><td>được</td><td>bạn</td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>		biết	được	bạn				
		biết	được	bạn					
	● Lí thuyết 1. Khái niệm về liên kết và mạch lạc trong đoạn văn Mạch lạc trong đoạn văn là các câu, các ý, các phần, các đoạn trong đoạn văn đều phải hướng về một sự thống nhất, một ý hay một chủ đề nào đó. Hay nói một cách đơn giản thì mạch lạc là sợi dây vô hình gắn kết các phần, các ý, các đoạn trong đoạn văn. 2. Nhận biết lỗi về liên kết trong đoạn văn - Giữa các câu liên kề không có phương tiện kết nối hoặc có nhưng không phù hợp khiến đoạn văn trở nên rời rạc. 3. Khắc phục lỗi liên kết trong đoạn văn - Xác định phương tiện kết nối cần có giữa các câu liên kề nhau. - Thay thế hoặc bỏ cụm từ đảm nhiệm chức năng kết nối đã bị dùng sai. - Nếu chưa có phương tiện kết nối hợp lý phải bổ sung. Có thể viết thêm câu phù hợp nhằm khắc phục sự đứt đoạn của mạch lập luận.								
3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP a. Mục tiêu hoạt động: Vận dụng năng lực ngôn ngữ để phát hiện lỗi liên kết ở các bài tập Sgk b. Nội dung thực hiện HS vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập									
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ	Hướng dẫn lời giải: Câu 1 Nhận xét khái quát về liên kết và mạch lạc trong văn bản:								

Học sinh thực hiện đọc và thực hành Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	- Về mạch lạc: các đoạn văn trong văn bản đều làm nổi bật luận đề chung của văn bản, và được sắp xếp theo một trình tự hợp lí, logic. - Về liên kết: các câu trong đoạn văn đều hướng về chủ đề chính của từng đoạn và được liên kết với nhau bằng các phép lặp, phép thế, phép nối, ... Câu 2 Đoạn 1: a) Lý do đoạn (1) được coi là đoạn văn: - Về hình thức: + Đoạn văn trên được tạo thành bằng 4 câu văn được liên kết với nhau bằng phép liên kết hình thức: phép lặp. + Đoạn văn trên được viết giữa hai dấu chấm xuống dòng, chữ cái đầu đoạn được viết lùi vào một chữ và viết hoa. - Về nội dung: đoạn văn có nội dung viết về lòng đồng cảm của con người, thuộc văn bản Yêu và đồng cảm. b) Các câu trong đoạn văn có sự mạch lạc với nhau, cùng nói về tấm lòng đồng cảm của con người, trong câu đều nhắc đến các từ “tấm lòng” hay “lòng đồng cảm”. c) Dấu hiệu nhận thấy sự mạch lạc giữa các đoạn: - Đoạn văn trên và các đoạn văn khác đều hướng đến làm nổi bật chủ đề của văn bản Yêu và đồng cảm. - Đoạn văn trên là một lí lẽ nằm trong đoạn (5) của văn bản, kết lại vấn đề về tấm lòng đồng cảm của trẻ em và con người. d) Những từ ngữ được lặp lại nhiều lần: con người/người, tấm lòng, lòng đồng cảm, chỉ có/chỉ vì. Tác dụng của việc lặp lại các từ ngữ trên là để tạo sự liên kết chặt chẽ giữa các câu văn, đoạn văn có sự mạch lạc, logic về mặt hình thức.
--	---

	Đoạn 2: a) Lý do đoạn văn vẫn rời rạc: phép liên kết được sử dụng chưa đúng cách, chưa phù hợp, các câu văn chưa có sự liên kết khiến đoạn văn bị rời rạc. b) Lỗi liên kết: Đoạn văn sử dụng phép liên kết hình thức (phép lặp) chưa phù hợp, chưa liên kết được các câu trong đoạn. Đoạn 3: a) Dấu hiệu nổi bật: câu văn thứ hai trong đoạn được triển khai không đúng với chủ đề chung của đoạn văn. b) Dấu hiệu của lỗi liên kết: - Phép nối được sử dụng để liên kết giữa câu một và câu hai chưa phù hợp. - Giữa câu hai và câu ba chưa có phép liên kết hình thức. c) Cách sửa: - Thay thế phép nối “Mặc dù ... nên...” giữa câu một với câu hai thành “Vì ... nên...”, trở thành câu: “Vì không tìm thấy được ích lợi của đọc sách trong việc bồi dưỡng tâm hồn, phát huy trí tưởng tượng và rèn luyện cách suy nghĩ nên hầu như mọi người đã vứt bỏ thói quen đọc sách.” - Có thể sửa câu thứ ba thành “Tuy chiếc điện thoại thông minh rất tiện lợi trong việc đáp ứng nhiều nhu cầu của con người trong cuộc sống hiện đại, nhưng nó lại khó giúp ta tìm được sự yên tĩnh, lắng sâu trong tâm hồn.”
4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh thực hiện viết 1 đoạn văn ngắn sử dụng kiến thức về liên kết và mạch lạc trong đoạn văn, văn bản b. Nội dung thực hiện: HS viết một đoạn văn ngắn khoảng 150 chữ với chủ đề: “Ai không có sức	

mạnh mẽ tha thứ cũng không có sức mạnh để yêu thương.”

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

Giáo viên giao nhiệm vụ

Học sinh thảo luận và thực hiện

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh thực hiện viết bài và nộp lại
cho GV

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh trình bày phần bài làm của
mình

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các
chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo

Học sinh viết bài

Phụ lục 1. Rubric đánh giá thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày câu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động

Điểm			
TỔNG			

TIẾT 32,33. VIẾT

VIẾT BÀI LUẬN THUYẾT PHỤC NGƯỜI KHÁC TỪ BỎ MỘT THÓI QUEN HAY MỘT QUAN NIỆM

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- ❖ Học sinh có thể viết nhanh một đoạn nêu hoặc trình bày quan điểm của bản thân
- ❖ Học sinh nêu được thói quen hay quan niệm cần từ bỏ
- ❖ Học sinh phân tích được tác động tiêu cực của thói quen hay quan niệm đó với cá nhân và cộng đồng.
- ❖ Học sinh nêu được những giải pháp mà người được thuyết phục có thể thực hiện để từ bỏ một thói quen hay một quan niệm.
- ❖ Học sinh hiểu được những đặc điểm và yêu cầu của một bài luận thuyết phục
- ❖ Học sinh biết thực hành viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm.

2. Về năng lực: Vận dụng năng lực ngôn ngữ và cảm thụ văn học để tạo lập một bài luận

3. Về phẩm chất: Tự rút ra được bài học trong cuộc sống và sự tôn trọng, lịch sự trong giao tiếp.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THẾ	
a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học	
b. Nội dung thực hiện:	
❖ GV phát vấn: Con thường có thói quen nào chưa tốt mà con nghĩ cần phải thay đổi?	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập	Gợi ý đáp án

GV đặt câu hỏi Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh suy nghĩ và trả lời Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên dẫn dắt vào bài học	- Dậy trẻ - Lười vận động, tập thể thao hằng ngày - Thường bỏ bữa, không ăn đủ bữa
2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI a. Mục tiêu hoạt động: ❖ Học sinh có thể viết nhanh một đoạn nêu hoặc trình bày quan điểm của bản thân ❖ Học sinh nêu được thói quen hay quan niệm cần từ bỏ ❖ Học sinh phân tích được tác động tiêu cực của thói quen hay quan niệm đó với cá nhân và cộng đồng. ❖ Học sinh nêu được những giải pháp mà người được thuyết phục có thể thực hiện để từ bỏ một thói quen hay một quan niệm. ❖ Học sinh hiểu được những đặc điểm và yêu cầu của một bài luận thuyết phục ❖ Học sinh biết thực hành viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm. b. Nội dung thực hiện: ❖ Học sinh đọc thật kĩ các thao tác chuẩn bị viết – tìm ý, lập dàn ý – trong khi viết – chỉnh sửa bài viết ❖ Học sinh thực hành lập dàn ý và viết bài	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập • Giáo viên yêu cầu HS đọc thật kĩ văn bản mẫu trong SGK và trả lời câu hỏi • GV yêu cầu HS đọc thật kĩ các bước, thao tác được diễn giải trong SGK • HS thực hành viết	● Hướng dẫn trả lời câu hỏi trong bài tham khảo 1. Từ những gì do bài viết tham khảo gợi lên, theo bạn, muốn thực sự thuyết phục được người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm, người viết phải đặc biệt lưu ý những điểm gì? - Cần đưa ra những luận điểm, luận cứ xác đáng, mạch lạc và có sự logic. - Đưa ra các lí lẽ, bằng chứng chính xác và phải có sức thuyết

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hành viết Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần bài làm Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức	phục với người khác. - Giọng điệu, câu văn cần rõ ràng, ngắn gọn mà dễ hiểu, tạo sự hứng thú với người đọc, người nghe. 2. Vị thế của người thuyết trình có cần được thể hiện không? Nếu có nên thể hiện như thế nào? - Vị thế của người thuyết trình có cần được thể hiện trong bài viết để nâng cao sức thuyết phục với người khác. - Vị thế của người thuyết trình: + Là người từng bị nhiễm những thói quen xấu, thể hiện quan điểm của chính bản thân, có thể tăng thêm sức tin tưởng với người khác. + Là người ngoài cuộc, từng chứng kiến, tiếp xúc với những người có thói quen không tốt, nêu quan điểm và đưa ra những bằng chứng xác đáng, tạo sự hứng thú, sức thuyết phục với người khác. 3. Khi triển khai nội dung thuyết phục, việc suy đoán về những lý lẽ phản bác của người được thuyết phục có ý nghĩa gì? - Ý nghĩa của việc suy đoán những lý lẽ phản bác của người được thuyết trình: + Dự kiến được những lý lẽ phản bác được đưa ra, kiểm soát quá trình thuyết phục một cách tốt nhất. + Người thuyết trình có thể kịp thời đưa ra những dẫn chứng làm rõ hơn về luận điểm của mình, phản bác lại lý lẽ của người được thuyết phục. + Tránh sự mất bình tĩnh, bối rối khi bị người được thuyết phục phản bác.
--	---

	Chia sẻ phần các thao tác và kĩ năng khi viết bài Thực hiện các bước B1. Chuẩn bị viết B2. Tìm ý, lập dàn ý B3. Viết bài B4. Chỉnh sửa, hoàn thiện ● Học sinh tiến hành lập dàn ý (Tham khảo phụ lục)
3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP a. Mục tiêu hoạt động: Vận dụng năng lực ngôn ngữ và năng lực cảm thụ để hoàn thành bài luận b. Nội dung thực hiện HS vận dụng kiến thức đã học đã hoàn thành bài viết theo rubic chấm	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hành viết Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	Bài viết tham khảo (Gợi ý ở phần phụ lục)
4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh bàn luận về vấn đề “Làm thế nào để thay đổi một thói quen xấu?” b. Nội dung thực hiện: HS hoàn thành bài phân tích, đánh giá, chọn một vấn đề mang tính toàn cầu, xã hội để bàn luận cùng bạn bè trong lớp	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Học sinh thảo luận và thực hiện Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện thảo luận, tranh	GV linh hoạt sử dụng phần chia sẻ bài làm của HS

biện Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	
--	--

Phụ lục 1. Bài viết tham khảo BÀI LÀM

Lần gần nhất mà bạn phải ngồi chờ đợi một ai đó là bao lâu rồi? Có lẽ thói quen đi trễ đã không còn xa lạ gì với mọi người nữa, nó gần như trở thành thói quen của rất nhiều người trong xã hội, đủ mọi tầng lớp, lứa tuổi,...và đặc biệt là ở lứa tuổi học sinh có thói quen đi học muộn với đủ mọi lí do hết sức vô lí được đưa ra.

Quản lý thời gian là một giải pháp cần thiết để khắc phục được tình trạng trễ giờ, quên thời gian,... và cần phải bố trí đủ thời gian vào buổi sáng để sẵn sàng đi học, trì hoãn các công việc không cần thiết cũng như dự đoán được các vấn đề về giao thông. Rất nhiều người không có ý thức sắp xếp, phân bổ thời gian một cách hợp lý, làm việc gì cũng chậm chạp và họ coi việc đi học muộn trở thành một việc hết sức bình thường. Việc đi đúng giờ không chỉ thể hiện bạn là một người văn minh, hiện đại mà còn là một người biết tôn trọng người khác. Chẳng hạn việc bạn thường xuyên đi trễ sẽ làm mất đi uy tín của bạn, lời hứa không còn có trọng lượng và bị đánh giá là người không đáng tin cậy. Nếu bạn nghĩ rằng đi học muộn là việc của bạn và hậu quả ra sao mình bạn chịu thì nhầm rồi nhé. Khi bạn đến lớp muộn, nó không chỉ làm gián đoạn dòng chảy của một bài giảng hoặc thảo luận, mà còn ảnh hưởng đến sự tập trung của học sinh khác, cản trở việc học của tập thể và thường ăn mòn tinh thần lớp học. Thầy cô cũng vì thế mà cảm thấy bực mình và không muốn dạy một lớp học mà có nhiều bạn vô ý thức, vô kỉ luật như vậy.

Việc mọi người đi trễ có thể do một sự cố ngẫu nhiên như: ngủ quên, tắc đường, nhỡ xe, thời tiết,... nhưng cũng có thể đó đã trở thành một thói quen ngấm vào máu. Có rất nhiều nguyên nhân khiến các bạn đến lớp muộn, có thể là nguyên nhân chủ quan với lí do làm bài tập ngủ muộn, sáng dậy muộn, ... hay nguyên nhân khách quan như việc tắc đường, xe hỏng, ... Nhưng dù có là lí do gì đi nữa thì việc đi trễ vẫn là một thói quen không tốt để lại rất nhiều hậu quả đáng tiếc và chúng ta cần từ bỏ nó ngay từ bây giờ. Tác hại của việc đi trễ là vô cùng lớn. Nếu mỗi người trong xã hội đều không coi trọng việc đúng giờ

thì xã hội sẽ không thể nào tiến bộ được. Để tránh tình trạng đi học muộn, các bạn hãy tự chọn cho mình một biện pháp khắc phục phù hợp với bản thân mình, giảm thiểu tối đa thời gian bị mất bởi những lí do không cần thiết.

Đi trễ không chỉ đơn thuần là một thói quen xấu mà còn là căn bệnh bám rễ vào tư tưởng mỗi người và có thể gây nên những hậu quả khó lường nếu không được khắc phục ngay từ bây giờ. Để khắc phục thói quen đi trễ của bản thân đầu tiên bạn phải là một người biết coi trọng thời gian và đơn giản là có ý thức tôn trọng người khác và tôn trọng chính bản thân mình. Thứ nhất, bạn phải biết cách lập kế hoạch phân bổ thời gian trong ngày một cách hợp lí. Nếu bạn là người chậm chạp, lè mề trong việc chuẩn bị trước khi ra khỏi nhà thì hãy nhớ cài đồng hồ hẹn trước một chút thời gian để không bị lỡ hẹn và đi học đúng giờ. Thứ hai, nếu bạn là người dễ ngủ hay quên thì hãy tự lập cho mình một thời gian biểu khoa học và nhớ thường xuyên theo dõi nó để chắc chắn rằng mình không bỏ quên hay đi trễ một cuộc hẹn hay một buổi học nào cả. Và bạn cũng nên dự trù thời gian để có thể hoàn thành công việc và những việc có khả năng phát sinh thêm, tránh để quỹ thời gian của bạn bị quá tải, trôi đi một cách lãng phí.

Cha ông ta có câu: “Giang sơn dễ đổi, bản tính khó dời” dù biết rằng việc thay đổi thói quen từ thường xuyên đi trễ thành một người luôn đúng giờ là một việc làm rất khó nhưng không phải là không làm được. Vì vậy bạn và tôi, chúng ta đừng để đi muộn trở thành thói quen không thể sửa mà hãy cùng nhau trở thành người có thói quen làm việc khoa học và hiệu quả hơn. Hãy biết quý trọng thời gian!

Phụ lục 2. Rubric đánh giá

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	1 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả Sai kết cấu bài Sai phương thức thuyết minh	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chín chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu bài văn nghị luận Chuẩn phương thức biểu đạt Không có lỗi chính tả	3 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chín chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu bài văn nghị luận Chuẩn phương thức biểu đạt Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (7 điểm)	1 – 4 điểm Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	5 – 6 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	7 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Điểm			
TỔNG			

TIẾT 34,35. NÓI VÀ NGHE

THẢO LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐỜI SỐNG CÓ Ý KIẾN KHÁC NHAU

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- ❖ Học sinh xác định được vấn đề cần thảo luận.
- ❖ Học sinh nêu được diễn biến của cuộc thảo luận (những ý kiến đã nêu, những điều đã được làm rõ, những điều cần trao đổi thêm)
- ❖ Học sinh nêu được quan điểm, nhận định của bản thân về vấn đề (góc nhìn riêng và những phân tích, đánh giá cụ thể)
- ❖ Học sinh biết trình bày ý kiến trong điều kiện tương tác đặc thù nhằm tìm đến sự thống nhất quan điểm với người cùng tham gia thảo luận về một vấn đề đời sống đã xác định

2. Về năng lực: Học sinh vận dụng năng lực ngôn ngữ để thực hành nói và nghe

3. Về phẩm chất: Tôn trọng người đối thoại để tìm được tiếng nói chung trong cuộc thảo luận

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THỂ	
a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học	
b. Nội dung thực hiện:	
❖ GV phát vấn: Theo con, cần chuẩn bị gì để có một bài nói – chia sẻ tốt?	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV đặt câu hỏi	Gợi ý đáp án Tìm hiểu kĩ tác phẩm
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ	Vận dụng năng lực ngôn ngữ

Học sinh suy nghĩ và trả lời Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên dẫn dắt vào bài học	Tự tin Rèn luyện giọng nói
2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI a. Mục tiêu hoạt động: ❖ Học sinh xác định được vấn đề cần thảo luận. ❖ Học sinh nêu được diễn biến của cuộc thảo luận (những ý kiến đã nêu, những điều đã được làm rõ, những điều cần trao đổi thêm) ❖ Học sinh nêu được quan điểm, nhận định của bản thân về vấn đề (góc nhìn riêng và những phân tích, đánh giá cụ thể) ❖ Học sinh biết trình bày ý kiến trong điều kiện tương tác đặc thù nhằm tìm đến sự thống nhất quan điểm với người cùng tham gia thảo luận về một vấn đề đời sống đã xác định b. Nội dung thực hiện: ❖ Học sinh đọc thật kĩ các thao tác chuẩn bị nói và nghe ❖ Học sinh hoàn thiện phiếu học tập về kĩ năng nói nghe ❖ Học sinh chuẩn bị bài nói dưới dạng dàn ý và chia sẻ bài nói	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập ● Giáo viên yêu cầu HS đọc thật kĩ phần nội dung chuẩn bị ● HS đọc và ghi chép lại các thông tin và suy nghĩ của bản thân ● HS thực hành lập dàn ý và nói Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hành nói theo chủ đề Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo	● Học sinh hoàn thiện phiếu bài tập chuẩn bị nghe - nói 1. Lựa chọn đề tài - Đề tài nói cần được thống nhất trong lớp trước khi tiết học diễn ra hoặc ngay đầu tiết học. - Nên chọn những đề tài gắn với đời sống của các bạn, đồng thời có ý nghĩa chung đối với cộng đồng. Ví dụ: xây dựng văn hóa đọc, tôn trọng sự khác biệt, tham gia hoạt động thiện nguyện... 2. Tìm ý và sắp xếp ý - Đặt tên bài nói

phần bài làm Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức	- Xác định và sắp xếp các ý 3. Xác định từ ngữ then chốt Sử dụng các cụm từ phù hợp 4. Chuẩn bị nghe - Tìm hiểu trước về bài nói - Ghi lại thông tin trong quá trình nghe ● Chia sẻ phần các thao tác và kĩ năng khi nói và nghe ● Học sinh tiến hành thực hành nghe nói đảm bảo các yêu cầu <table border="1" data-bbox="695 688 1550 1100"> <thead> <tr> <th data-bbox="695 688 1105 747">Người nói</th><th data-bbox="1105 688 1550 747">Người nghe</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="695 747 1105 1100"> - Nêu đề tài bài nói, trình bày lí do lựa chọn bài nói - Trình bày các ý theo đề cương - Tóm tắt bài nói và mở rộng nâng cao </td><td data-bbox="1105 747 1550 1100"> - Chú ý lắng nghe bài nói - Nghe trên tinh thần xây dựng - Đặt câu hỏi - Trao đổi với người nói một số quan điểm của mình </td></tr> </tbody> </table>	Người nói	Người nghe	- Nêu đề tài bài nói, trình bày lí do lựa chọn bài nói - Trình bày các ý theo đề cương - Tóm tắt bài nói và mở rộng nâng cao	- Chú ý lắng nghe bài nói - Nghe trên tinh thần xây dựng - Đặt câu hỏi - Trao đổi với người nói một số quan điểm của mình
Người nói	Người nghe				
- Nêu đề tài bài nói, trình bày lí do lựa chọn bài nói - Trình bày các ý theo đề cương - Tóm tắt bài nói và mở rộng nâng cao	- Chú ý lắng nghe bài nói - Nghe trên tinh thần xây dựng - Đặt câu hỏi - Trao đổi với người nói một số quan điểm của mình				
3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP a. Mục tiêu hoạt động: Vận dụng năng lực ngôn ngữ và năng lực cảm thụ thực hành bài nói và nghe b. Nội dung thực hiện HS vận dụng kiến thức đã học đã hoàn thành bài nói và nghe theo rubic chấm					
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hành nói – nghe Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	Dàn ý tham khảo (Gợi ý ở phần phụ lục)				

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ

a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh bàn luận về một vấn đề được đưa ra trong bài nói

b. Nội dung thực hiện: HS hoàn thành bài phân tích, đánh giá, chọn một vấn đề mang tính toàn cầu, xã hội để bàn luận cùng bạn bè trong lớp

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

Giáo viên giao nhiệm vụ

Học sinh thảo luận và thực hiện

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh thực hiện thảo luận, tranh biện

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh trình bày phần bài làm của mình

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo

GV linh hoạt sử dụng phần chia sẻ bài làm của HS

Phụ lục 1. Phiếu thực hành nghe – nói

Chuẩn bị nói			Chuẩn bị nghe
Lựa chọn đề tài	Tìm ý và sắp xếp ý	Xác định từ ngữ then chốt	

Phụ lục: Bài Văn hóa đọc và đời sống lớp học.

Maxim Gorki từng viết: “Sách mở ra trước mắt tôi những chân trời mới”. Thật vậy, đọc sách là một việc làm không hề phức tạp mà lại có ý nghĩa vô cùng to lớn. Ai cũng biết sách chứa rất nhiều kiến thức trong cuộc sống, giúp chúng ta tư duy, nhận thức sâu sắc hơn, trưởng thành hơn và tích lũy được vốn từ ngữ phong phú. Thế nhưng trong môi trường lớp học ngay nay, văn hóa đọc sách không còn phổ biến mà thay vì đọc sách thì học sinh thường dành thời gian để lên mạng, chơi game,... Vậy chúng ta cần xây dựng văn hóa đọc trong lớp học như nào cho hợp lí?

Chúng ta đều biết, trước khi có các phương tiện nghe nhìn, sách là con đường lớn nhất để con người tiếp cận thông tin, văn hóa, tri thức. Đọc sách là một trong những cách thức giúp con người thư giãn, tích lũy kiến thức, tăng cường khả năng tư duy. Trong đời sống tinh thần của mỗi chúng ta, sách đóng vai trò rất quan trọng. Sách được coi là chiếc chìa khóa vạn năng mở cửa lâu đài trí tuệ và tâm hồn con người; là người thầy thấp sáng trong ta nguồn tri thức vô biên, dạy chúng ta biết sống và biết hy sinh. Văn hóa đọc là một hoạt động văn hóa của con người thông qua việc đọc, sách, báo, tài liệu để tiếp cận được với thông tin và nguồn tri thức một cách khoa học. Văn hóa đọc góp phần to lớn vào việc bồi dưỡng, trau dồi kiến thức, kỹ năng trong đời sống, giúp hình thành và hoàn thiện nhân cách của con người.

Độc sách có thể ươm mầm trong chúng ta những ý nghĩa cao thượng, những ý tưởng để làm việc trong nhiều lĩnh vực và hiểu biết sâu rộng, làm phong phú hơn trí tưởng tượng của bản thân. Rèn luyện thói quen đọc sách không chỉ mang lại cho ta những lợi ích vô cùng to lớn; mà nó còn là một thói quen tốt giúp cho bộ não của chúng ta được khỏe mạnh và linh hoạt hơn. Đọc sách cũng đem lại sự thư giãn, là nguồn gốc tuyệt vời của sự hưởng thụ, mọi nguồn cảm hứng, chỉ cho chúng ta mọi con đường đi với những kiến thức tuyệt vời, nó cũng giúp ta trở thành một người thành công trong cuộc sống này. Văn hóa đọc sách đang đứng trước một cơ hội và một nguy cơ. Cơ hội bởi mỗi người chúng ta đều được tiếp cận với một khối lượng tri thức khổng lồ. Nhưng nó lại tiềm ẩn một nguy cơ làm mai một thói quen đọc vốn có bởi sự lấn át của các phương tiện nghe nhìn quá nhiều, quá hấp dẫn.

Thế nhưng hiện nay, văn hóa đọc sách đang phải đứng trước nguy cơ bị lãng quên; mọi người trở nên thờ ơ, lãnh cảm với đọc sách, nhất là giới trẻ. Có những bạn trẻ cho rằng đọc sách giấy là lạc hậu và đó là một sai lầm khi đa số các bạn trẻ cho rằng bây giờ là thời đại công nghệ thông tin thì phải lên mạng đọc vừa nhanh, vừa dễ, vừa đỡ tốn kém. Mỗi chúng ta đều có thể tiếp cận một khối lượng tri thức khổng lồ chỉ cần thông qua một thiết bị nghe nhìn đơn giản như chiếc điện thoại smartphone, nhưng lại tiềm ẩn nguy cơ làm mai một thói quen đọc sách truyền thống vốn có chính bởi sự lấn át của quá nhiều phương tiện truyền thông nghe nhìn hấp dẫn. Cũng bởi ít đọc, ít cập nhật thông tin qua sách báo, nên vốn văn chương của lớp trẻ bây giờ được đánh giá là hơi “cạn”. Những năm gần đây, sau mỗi đợt chấm thi tốt nghiệp trung học phổ thông và đại học lại rộ lên nhiều câu chuyện về những bài thi với câu văn ngô nghê, những cột mốc lịch sử bị sai lệch... đang gióng lên hồi chuông cảnh báo về văn hóa đọc của giới trẻ hiện nay. Vậy sẽ có tương lai văn hóa đọc sách có còn tồn tại hay không?

Bạn thấy đấy, sách là kho tri thức không chối từ ai, chỉ cần ta hiểu được giá trị của kho tri thức ấy để rồi tự xây dựng cho mình thói quen đọc sách hàng ngày. Có thể nói, sách chính là người bạn tâm giao chia sẻ mọi nỗi vui, buồn sâu kín của mỗi con người. Đọc sách từ lâu đã trở thành một nhu cầu cần thiết của xã hội loài người trên thế giới. Sách là nguồn tri thức quý giá mà nhân loại đã trao tặng cho bạn. Nếu như bạn là người không có thói quen đọc sách hằng ngày thì có lẽ bạn đã bỏ qua nhiều lợi ích của việc đọc sách. Nhờ đọc sách, tôi tin chắc chắn chúng ta sẽ ngày một ưu tú hơn. Tùy theo nhu cầu công việc của mỗi người, chúng ta hãy lựa chọn cách đọc và khai thác thông tin phù hợp, không vì quá lệ thuộc công nghệ thông tin mà xa rời văn hóa đọc truyền thống.

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	1 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Chưa tự tin	2 điểm Trình bày tương đối đầy đủ, hấp dẫn Tự tin thể hiện	3 điểm Trình bày tương đối đầy đủ, hấp dẫn Tự tin thể hiện Có sự sáng tạo
Nội dung (7 điểm)	1 – 4 điểm Nội dung đầy đủ kết cấu cơ bản của văn bản truyền thuyết Nhiều nội dung kể chưa mạch lạc, liên kết Không rút ra ý nghĩa	5 – 6 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có sự mạch lạc Thể hiện rõ giọng điệu và âm hưởng hào hùng của truyền thuyết Rút ra được ít nhất 2 ý nghĩa truyền thuyết	7 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có sự mạch lạc Thể hiện rõ giọng điệu và âm hưởng hào hùng của truyền thuyết Rút ra được nhiều hơn 2 ý nghĩa truyền thuyết Có liên hệ cuộc sống.
Điểm			
TỔNG			